

Số: 09 /QĐ-TTXX

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước  
3 tháng đầu năm 2026 của Trung tâm Xúc tiến, Thông tin và Hỗ trợ đầu tư

**GIÁM ĐỐC**

**TRUNG TÂM XÚC TIẾN, THÔNG TIN VÀ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ**

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-ĐTNN ngày 30/12/2025 của Cục Đầu tư nước ngoài về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 79/QĐ-ĐTNN ngày 27/02/2026 của Cục Đầu tư nước ngoài Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Xúc tiến, Thông tin và Hỗ trợ đầu tư, Cục Đầu tư nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-ĐTNN ngày 30/12/2025 của Cục Đầu tư nước ngoài về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Tổng hợp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 3 tháng đầu năm 2026 của Trung tâm Xúc tiến, Thông tin và Hỗ trợ đầu tư (theo biểu đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Phòng Tài chính – Tổng hợp, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VPCĐTNN;
- Lưu VT.



**Phạm Thanh Bình**



CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH CHI THƯỜNG XUYÊN  
3 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

- Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;  
- Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước,  
Trung tâm Xúc tiến, Thông tin và Hỗ trợ đầu tư (đơn vị dự toán cấp III) công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách 3 tháng đầu năm 2026 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

| Số TT | NỘI-DUNG                                                            | Dự toán năm 2026 | Ước thực hiện 03 tháng năm 2026 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | 3 tháng năm 2025 | Ước thực hiện 3 tháng so với cùng kỳ năm trước |
|-------|---------------------------------------------------------------------|------------------|---------------------------------|-------------------------------------|------------------|------------------------------------------------|
| 1     | 2                                                                   | 3                | 4                               | 5                                   |                  | 6                                              |
| A     | TỔNG SỐ THU, CHI, NỢ NS PHÍ, LỆ PHÍ                                 |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| B     | DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC                                      | 3.960,00         | 547,38                          | 13,82%                              | -                | -                                              |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                                          | 3.960,00         | 547,38                          | 13,82%                              | -                | -                                              |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                              | 3.960,00         | 547,38                          | 13,82%                              | -                | -                                              |
| 1.1   | Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ                               |                  |                                 |                                     | -                |                                                |
| 1.2   | Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ                         | 3.960,00         | 547,38                          | 13,82%                              | -                |                                                |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo                                     |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 4     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                                     |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 5     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                                     |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                                               | -                | -                               | -                                   | -                | -                                              |
| 6.1   | Kinh phí thường xuyên giao tự chủ                                   |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 6.2   | Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ                             |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 7     | Chi tài chính và khác                                               |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 8     | Chi đảm bảo xã hội                                                  |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                                                  |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 1     | Chi quản lý hành chính                                              |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| 2     | Chi hoạt động kinh tế                                               |                  |                                 |                                     |                  |                                                |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                                             |                  |                                 |                                     |                  |                                                |

*Handwritten signature*